

Số: 505/2023/QĐST-HNGĐ

Quận H, ngày 31 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 444/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về việc: **Tranh chấp ly hôn** giữa:

**Nguyên đơn**: Anh **Dương Quang T** - sinh năm 1987;

**Bị đơn**: Chị **Lê Thị Hồng V** - sinh năm 1989;

Cùng HKTT và nơi ở: Số 79 phố N, phường P, quận H, thành phố H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Dương Quang T và chị Lê Thị Hồng V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 57 ngày 08/8/2016 do UBND phường P, quận H, thành phố H cấp cho anh Dương Quang T và chị Lê Thị Hồng V không còn giá trị pháp lý.

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về con chung: Xác nhận anh T và chị V có một con chung là Dương Tuệ Đ - sinh ngày 08/02/2017 (Nam). Sau khi ly hôn, chị Vân được trực tiếp chăm sóc con chung. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị V số tiền là 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng chẵn*)/ tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

***Anh T có quyền thăm nom, gặp gỡ con chung, không ai được ngăn cản.***

2.2. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) anh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0013716 ngày 11/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Nay anh T được hoàn lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.**

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường P, quận H, TP H (ĐKKH số 57 ngày 08/8/2016);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

**THẨM PHÁN**

***Đặng Hoàng P***